

Bản án số: 171/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 8 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn
2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1991, nơi cư trú: thôn 2, xã T1, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Trung K, sinh năm 1984, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 2, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam V, địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh V; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Trung K qua tìm hiểu, kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T vào ngày 29/6/2015, sau khi cưới vợ chồng sinh sống và làm việc tại Thành phố H, tình cảm vợ chồng chỉ thực sự hạnh phúc được một thời gian ngắn sau

ngày cưới thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K ham chơi, không tu chí làm ăn, bỏ bê gia đình nên vợ chồng bất đồng quan điểm; Sau đó đến khoảng tháng 4 năm 2016 anh K bỏ ra HN làm ăn và bị bắt giam do vi phạm pháp luật; Hiện anh K đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam V ở huyện T, tỉnh V. Từ thời điểm anh Kiên bỏ ra H làm ăn vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị HN xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không có, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị H xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/6/2017 bị đơn là anh Trần Trung K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện T. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thành phố H, tình cảm vợ chồng gắn bó, hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2016 do yêu cầu công việc nên anh phải ra HN làm, sau đó do vi phạm pháp luật nên anh bị bắt giam vào ngày 28/9/2016. Trong thời gian anh làm việc tại HN chị H có ra thăm anh một lần, tình cảm vợ chồng chỉ bắt đầu rạn nứt từ khoảng tháng 7 năm 2016. Nay chị H đề nghị giải quyết ly hôn, anh K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và từ khi anh bị bắt giam anh chưa gặp chị H nên không biết tâm tư của chị H thế nào, nên anh K không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh Kiên xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: anh K xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự đều chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Xử cho chị H được ly hôn với anh K, về con chung, tài sản và nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết; Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trung K, anh K có hộ khẩu thường trú tại: xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam V; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn là anh Trần Trung K vắng mặt, trước đó anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng do hiện tại anh K đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Trần Trung K là hôn nhân hợp pháp, anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và đã được UBND xã T1, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29 tháng 6 năm 2015. Sau khi cưới vợ chồng vào sinh sống và làm việc tại Thành phố H, tình cảm vợ chồng chỉ thực sự hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn; Đến tháng 4 năm 2016 anh K ra HN làm việc, còn chị H vẫn sinh sống tại Thành phố H từ đó tình cảm vợ chồng càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt. Đến ngày 28/9/2016 thì anh K bị bắt giam do có vi phạm pháp luật hình sự và bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xử phạt tù về tội "trộm cắp tài sản", mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trở nên trầm trọng; Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; Tại bản tự khai ngày 28/6/2017 anh K thừa nhận tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt từ tháng 7 năm 2016, nhưng anh K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh K không đồng ý ly hôn. Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên hòa giải, nhưng có đơn từ chối tham gia với lý do anh hiện đang phải chấp hành án phạt tù; Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Xét thấy: Chị H và anh K không còn thương yêu, quý trọng nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, mâu thuẫn đã lâu, hôn nhân giữa vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trần Trung K là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Trần Trung K đều xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị Lê Thị H và anh Trần Trung K đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H,

Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trần Trung K.

2. *Về con chung*: Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản*: Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000545 ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã T1;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến